

Số: /QĐ-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày tháng 5 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Chương trình đào tạo ngành Tâm lý học giáo dục, trình độ đại học

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSP Đồng Tháp nay là Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 28/7/2020 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp và Nghị quyết số 45/NQ-HĐT ngày 20/10/2021 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 28/7/2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định Danh mục thống kê các ngành của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 371/QĐ-ĐHĐT ngày 21/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; trình độ cao đẳng Giáo dục Mầm non;

Căn cứ kết luận tại Biên bản ngày 09/4/2023 của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành Tâm lý học giáo dục;

Căn cứ kết luận tại Biên bản của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về việc thẩm định Đề án mở ngành Tâm lý học giáo dục, trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành Tâm lý học giáo dục, trình độ đại học, mã số 7310403.

(Có chương trình kèm theo)

**Điều 2.** Chương trình đào tạo này được áp dụng trong tổ chức đào tạo trình độ đại học ngành Tâm lý học giáo dục của Trường Đại học Đồng Tháp kể từ năm 2023.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trưởng các đơn vị và viên chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Vụ GDDT (để báo cáo);
- Lãnh đạo Trường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT (T).

HIỆU TRƯỞNG

Hồ Văn Thống

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐTĐT ngày tháng 5 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

Tên chương trình : Tâm lý học giáo dục  
Mã số : 7310403  
Trình độ đào tạo : Đại học  
Ngành đào tạo : Tâm lý học giáo dục  
Khóa đào tạo : 2023

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	GIỜ TÍN CHỈ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIỀN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
<b>A. Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>39</b>						
<b>I. Ngoại ngữ</b>			<b>5</b>	<b>75</b>	<b>0</b>				
1	GE4410	Tiếng Anh 1	3	45	0			1	
2	GE4411	Tiếng Anh 2	2	30	0		GE4410	2	
<b>II. Giáo dục quốc phòng</b>			<b>11</b>	<b>93</b>	<b>72</b>				
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0			1	
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh	2	30	0		GE4165	2	
3	GE4166	Quân sự chung	2	14	16		GE4165	3	
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4	4	56		GE4165	4	
<b>III. Giáo dục thể chất</b>			<b>3</b>						
<b>1. Học phần bắt buộc</b>			<b>2</b>	<b>0</b>	<b>60</b>				
1	GE4306	Giáo dục thể chất 1	1	0	30			1	
2	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Boi lội)	1	0	30		GE4306	2	
<b>2. Học phần tự chọn</b>			<b>1</b>	<b>0</b>	<b>30</b>				
1	GE4335	Bóng đá	1	0	30		GE4306	3	
2	GE4336	Bóng chuyền	1	0	30		GE4306	3	
3	GE4337	Cầu lông	1	0	30		GE4306	3	
4	GE4338	Võ thuật Vovinam	1	0	30		GE4306	3	

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	GIỜ TÍN CHỈ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
5	GE4339	Võ thuật Karatedo	1	0	30		GE4306		3
6	GE4340	Cờ vua	1	0	30		GE4306		3
7	GE4341	Bóng bàn	1	0	30		GE4306		3
8	GE4342	Bóng ném	1	0	30		GE4306		3
9	GE4343	Bóng rổ	1	0	30		GE4306		3
10	GE4344	Tennis (Quần vợt)	1	0	30		GE4306		3
11	GE4345	Đá cầu	1	0	30		GE4306		3
<b>IV. Đại cương chung</b>			<b>20</b>						
<b>1. Đại cương chung bắt buộc</b>			<b>16</b>	<b>160</b>	<b>80</b>				
1	GE4091	Triết học Mác – Lênin	3	25	20				1
2	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	15	15		GE4091		2
3	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0		GE4092		3
4	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học (mới chỉnh sửa 11.05.2023)	2	15	15		GE4092		3
5	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	15	15		GE4093		4
6	GE4039	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30	0				1
7	EP4001	Phương pháp học tập ngành Tâm lý học giáo dục	3	30	15				1
<b>2. Đại cương chung tự chọn</b>			<b>4</b>						
1	HI4011	Nhân học đại cương	2	20	10				1
2	GE4003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0				1
3	GE4028	Logic học đại cương	2	30	0				1
4	EP4002	Dân tộc học ứng dụng trong giáo dục	2	20	10				1
5	GE4030	Mỹ học đại cương	2	15	15				1
6	GE4049	Tiếng Việt thực hành	2	25	05				1
<b>B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>95</b>						
<b>I. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>31</b>						
<b>1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc</b>			<b>19</b>	<b>185</b>	<b>160</b>				

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	GIỜ TÍN CHỈ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
1	BI4204N	Sinh lý thần kinh cấp cao	2	25	20				2
2	EP4003	Lịch sử Tâm lý học và Giáo dục học	2	30	15				2
3	GE4017	Giáo dục học đại cương	2	15	15				1
4	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	25	20				1
5	EP4004	Tâm lý học phát triển	2	20	10				3
6	EP4040	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	15	15				3
7	GE4074N	Giáo dục học mầm non	2	15	15				2
8	EP4006	Giáo dục học phổ thông	2	15	15				2
9	EP4007	Tâm bệnh học	3	15	30				3
<b>2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn</b>			<b>12</b>						
1	EP4008	Nhập môn công nghệ giáo dục	2	15	30				4
2	EM4002	Xã hội học giáo dục	2	20	10				4
3	EM4004	Kinh tế học giáo dục	2	15	15				4
4	EP4009	Kỹ năng tư duy phân biện và tư duy sáng tạo	2	15	15				4
5	EP4010	Đánh giá trong giáo dục	2	10	20				4
6	EP4011	Giáo dục cộng đồng	2	15	15				5
7	EP4012	Tâm lý học lao động	2	15	30				6
8	EP4013	Kỹ năng tạo động lực làm việc	2	10	20				4
9	EP4014	Kỹ năng thương thuyết	2	10	20				5
<b>II. Kiến thức chuyên ngành</b>			<b>40</b>						
<b>1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</b>			<b>25</b>	<b>155</b>	<b>220</b>				
1	EP4015	Tâm lý học nhân cách	2	10	20				5
2	EP4016	Tâm lý học xã hội	2	15	15				5
3	EP4017	Tâm lý học giao tiếp	3	15	30				5
4	EP4018	Tâm lý học giáo dục	3	25	20				5
5	EP4019	Đo lường và chẩn đoán trong Tâm lý học	3	15	30				5
6	EP4020	Các kỹ năng tham vấn tâm lý căn bản	2	10	20				5

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	GIỜ TÍN CHỈ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
7	EP4021	Khoa học quản lý hành vi học sinh	3	25	20				6
8	EP4022	Giáo dục gia đình	2	10	20				6
9	EP4023	Giáo dục giá trị và kỹ năng sống	3	15	30				6
10	EP4024	Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản vị thành niên	2	15	15				6
<b>2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn (chọn một hoặc nhiều định hướng đủ 15TC)</b>			<b>15</b>						
<b>Định hướng 1. Nghiên cứu tâm lý giáo dục</b>			<b>15</b>						
1	EP4025	Phương pháp nghiên cứu khoa học tâm lý học giáo dục	4	30	30				6
2	EP4026	Thống kê trong nghiên cứu khoa học	4	30	30				6
3	EP4027	Tâm lý học trí tuệ	3	20	25				7
4	EP4038	Thực hành nghiên cứu tâm lý học giáo dục	4	00	60				
<b>Định hướng 2. Giảng dạy tâm lý giáo dục</b>			<b>15</b>						
1	EP4028	Lý luận dạy học Tâm lý học	3	15	30				6
2	EP4029	Lý luận dạy học Giáo dục học	3	15	30				7
3	EP4030	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Tâm lý học, Giáo dục học	2	20	10				7
4	EP4031	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường phổ thông	3	15	30				7
5	EP4032	Giáo dục chuyên biệt	4	30	30				8
<b>Định hướng 3. Tham vấn, trị liệu tâm lý</b>			<b>15</b>						
1	EP4033	Tâm lý học lâm sàng	3	10	35				6
2	EP4034	Các khó khăn tâm lý của học sinh và một số biện pháp can thiệp	3	15	30				7
3	EP4035	Tham vấn tâm lý học đường	4	20	40				7

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	GIỜ TÍN CHỈ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
4	EP4036	Tham vấn hôn nhân và gia đình	2	15	15				7
5	EP4037	Tham vấn rối nhiễu tâm lý trong xã hội hiện đại	3	15	30				7
<b>III. Kiến thức bổ trợ</b>			<b>2</b>	<b>10</b>	<b>20</b>				
1	EP4005	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học giáo dục	2	10	20				6
<b>IV. Thực hành, thực tập nghề nghiệp</b>			<b>16</b>	<b>0</b>	<b>150</b>				
1	EP4401	Thực tế chuyên môn	2	0	30				5
2	EP4491	Thực tập cơ sở	6	0	90				7
3	EP4407	Thực tập tốt nghiệp	8	0	120				8
<b>V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế</b>			<b>6</b>						
<b>1. Khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>6</b>						
1	Khóa luận tốt nghiệp		6						8
<b>2. Học phần thay thế khóa luận</b>			<b>6</b>						
1	EP4039	TLH sáng tạo	2	15	15				8
2	EP4041	TLH khác biệt	2	15	15				8
3	EP4042	Quản trị nhân sự	2	15	15				8
<b>Tổng số tín chỉ tích lũy</b>			<b>134</b>						

# CHUẨN ĐẦU VÀO VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## PHẦN I. CHUẨN ĐẦU VÀO

### 1. Thông tin tuyển sinh

#### 1.1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học; người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ GDĐT;

Thí sinh có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được UBND tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập do hậu quả của chất độc hoá học là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học: Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

Quân nhân hoặc công an nhân dân tại ngũ chỉ được dự tuyển khi được cấp có thẩm quyền cho phép đi học; Quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép, thì được dự tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau.

#### 1.2. Phạm vi tuyển sinh: Cả nước

#### 1.3. Phương thức tuyển sinh

- Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia.
- Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ).
- Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8).
- Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2023 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

### 2. Điều kiện nhập học

Người học nộp các giấy tờ, hồ sơ theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, Phòng Đảm bảo chất lượng tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định công nhận người học là sinh viên chính thức của trường.

### 3. Điều kiện tốt nghiệp

Người học được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức độ đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.00 trở lên;
- Có giấy chứng nhận Giáo dục quốc phòng - An ninh và giấy chứng nhận Giáo dục thể chất;
- Có chứng chỉ Ngoại ngữ và chứng chỉ Tin học theo quy định của Nhà trường;
- Phải tham gia ít nhất 8 ngày công tác xã hội;
- Trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc tốt nghiệp muộn so với thời gian thiết kế của khóa học, sinh viên phải làm đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp;

- Hằng năm, Nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp vào tháng 2, tháng 6, tháng 8 và tháng 11. Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ vào các quy định về điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách trình Hội đồng xét tốt nghiệp và đề nghị Hiệu trưởng ký Quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Lễ tốt nghiệp được tổ chức vào tháng 7 và tháng 1.

#### 4. Cơ hội việc làm

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Tâm lý học giáo dục có các cơ hội việc làm sau:

- Tư vấn tâm lý học đường, hướng nghiệp tại các trường phổ thông và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Chuyên viên đánh giá tâm lý và can thiệp một số rối loạn tâm lý, nhân viên các dự án chăm sóc sức khỏe tâm thần, phát triển cộng đồng làm việc trong các trung tâm can thiệp tâm lý, bệnh viện, Viện sức khỏe tâm thần của các tổ chức chính phủ và phi chính phủ.

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục cho học sinh tại các trường phổ thông.

- Phụ trách công tác giáo dục trẻ em, thanh thiếu niên trong tổ chức cung ứng các dịch vụ giáo dục, giáo dục kỹ năng sống cho cộng đồng.

- Phụ trách công tác nghiên cứu phát triển xã hội làm việc tại các tổ chức xã hội, các trung tâm bảo trợ các vấn đề xã hội.

- Giảng dạy Tâm lý học và một số chuyên đề có liên quan tại các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

- Nghiên cứu Tâm lý học, Giáo dục học, Khoa học tổ chức, quản lý nhân sự... ở các Viện nghiên cứu.

### PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHUẨN ĐẦU RA	Đánh giá mức độ năng lực
<b>1. Kiến thức</b>	
1.1. Vận dụng hệ thống kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng – an ninh, giáo dục thể chất để thực hiện tốt những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.	<b>3</b>
1.2. Vận dụng kiến thức về khoa học xã hội, tin học và ngoại ngữ vào giải quyết các vấn đề, nhiệm vụ học tập và nghề nghiệp của lĩnh vực Tâm lý học giáo dục.	<b>3</b>
1.3. Phân tích được nguồn gốc, bản chất, quy luật vận động của các hiện tượng tâm lý trong lĩnh vực giáo dục và cộng đồng xã hội bằng hệ thống các kiến thức chuyên ngành; các rối loạn tâm lý của cá nhân – nhóm học sinh và các đối tượng khác trong cộng đồng – xã hội; các vấn đề tâm lý tiêu cực và tích cực nảy sinh trong môi trường giáo dục bằng hệ thống các kiến thức chuyên ngành	<b>4</b>
1.4. Vận dụng các kiến thức chuyên ngành để tư vấn, tham vấn cho việc thiết kế, xây dựng chương trình hoạt động của tổ Hỗ trợ, giúp đỡ học sinh, Phòng Tư vấn tâm lý học đường trong môi trường giáo dục.	<b>3</b>
1.5. Phân tích được các hình thức, cấu trúc, quy trình tiến hành, kỹ thuật đánh giá kết quả của các công cụ tâm lý học, của các chương trình can thiệp tâm lý căn bản và vai trò của chúng trong việc đo lường, chẩn đoán và can thiệp các hiện tượng tâm lý của cá nhân và nhóm trong môi trường giáo dục	<b>4</b>
<b>2. Kỹ năng/Phẩm chất đạo đức</b>	
<i>Kỹ năng nghề nghiệp</i>	



2.1. Chuẩn xác phát hiện các vấn đề tâm lý (tích cực và tiêu cực) nảy sinh trong môi trường giáo dục	3
2.2. Chuẩn xác tiến hành lựa chọn và sử dụng các công cụ tâm lý để đo lường, chẩn đoán các mức độ phát triển của các chức năng tâm lý của các đối tượng khác nhau trong môi trường giáo dục; kỹ năng tham vấn, tư vấn và can thiệp đối với các khó khăn tâm lý mà học sinh gặp phải; thiết kế kế hoạch hoạt động của phòng tư vấn tâm lý học đường và các hoạt động nghiệp vụ khác; tham vấn, tư vấn, báo cáo chuyên đề về tâm lý học giáo dục cho cha- mẹ học sinh, giáo viên, lực lượng quản lý giáo dục và các lực lượng giáo dục có liên quan	3
2.3. Chuẩn xác trong việc phối hợp với giáo viên hoặc phụ trách hướng dẫn, giảng dạy các lĩnh vực về Giáo dục kỹ năng sống, Giáo dục hoạt động trải nghiệm – hướng nghiệp, Giáo dục giới tính; chuẩn xác trong giảng dạy các học phần tâm lý học, giáo dục học, kỹ năng giao tiếp; chuẩn xác phối hợp các nguồn lực, lực lượng trong và ngoài môi trường giáo dục để hỗ trợ, giúp đỡ nhằm tạo điều kiện thuận lợi để chăm sóc sức khoẻ tâm thần cho học sinh	3
<i>Kỹ năng mềm</i>	
2.4. Chuẩn xác nhận thức và đánh giá bản thân, quản lý cảm xúc, giải quyết các vấn đề nảy sinh kịp thời, quản lý thời gian hiệu quả và xác định mục tiêu hợp lý trong quá trình học tập và hoạt động nghề nghiệp; chuẩn xác trong giao tiếp và ứng xử, trong quá trình làm việc nhóm, trong phản biện những vấn đề về chuyên môn, nghiệp vụ	3
<i>Phẩm chất đạo đức</i>	
2.5. Tổ chức công việc theo các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp	4
<b>3. Mức tự chủ và trách nhiệm</b>	
3.1. Đánh giá được mức độ làm việc độc lập, làm việc nhóm và thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường	4
3.2. Tổ chức độc lập các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, tự học, tự nghiên cứu, tự nâng cao, phát triển nghiệp vụ và tự chịu trách nhiệm về kết quả của hoạt động nghề nghiệp trước cơ quan quản lý trực tiếp và trước pháp luật	4